

Tank Farms • Ship • Ports and Harbours • Pipelines • Oil & Gas Facilities • Floor Coating

Mining Structures • Airports • Appliances • Bridges • Chemical Plants...

SƠN TÀU BIỂN/ MARINE PAINT

SƠN CÔNG NGHIỆP/ INDUSTRIAL PAINT

Sơn lót/ Primer

Sơn phủ/ Finish



601 Light Yellow



605 Dark Orange



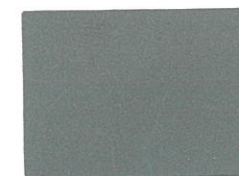
503 Dark Brown



501 Matte Brown



702 Zinc P.P - Grey



701 Zinc rich - Grey



669 Cream



653 Signal Yellow



551 Signal Red



550 Reddish Brown



275 Leaf Green



352 Signal Blue



752 Light Grey



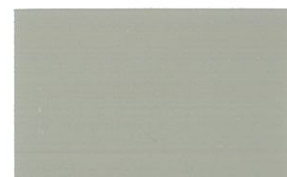
750 Dark Grey



450 Jet Black

Sơn lót/ Primer

Sơn phủ/ Finish



706 Agate Grey



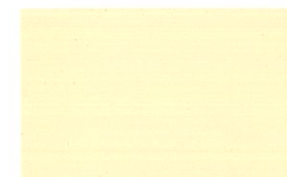
703 Grey



704 Metallic Grey



500 Light Brown



670 Ivory



796 Light Cream



738 White Grey



763 Greyish



788 Concrete Grey



640 Deep Orange



557 Red Orange



555 Royal Red



671 Curry



950 White Aluminium



279 Light Green



258 Estuary Green



262 Traffic Green



268 Jade



379 Blue Green



375 Light Blue



355 Peace Blue



737 Blue Grey



770 Dusty Grey



349 Ultramine Blue

Các màu trên bảng này gần với màu sơn thực tế trong mức kỹ thuật in hiện đại cho phép.
The colours on this card are as close to actual paint colours as modern printing techniques will allow.

* Ngoài ra có thêm màu trắng: 790
We also have white color: 790

HAIVAN PAINT HAIVAN PAINT HAIVAN PAINT HAIVAN PAINT HAIVAN PAINT